

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội*

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Helio Energy thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

### 1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Helio Energy.

- Mã chứng khoán: HIO.
- Địa chỉ: Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: (024)3 226 3333 Fax:.....
- Email: info@helioenergy.vn Website: https://helioenergy.vn.

### 2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2025:
  - BCTC riêng (CTĐC không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc).
  - BCTC hợp nhất (CTĐC có công ty con).
  - BCTC tổng hợp (CTĐC có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
  - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán ...):
    - Có  Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
    - Có  Không
  - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):
    - Có  Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
    - Có  Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

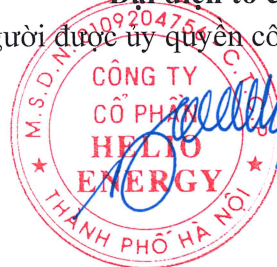
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/03/2026 tại đường dẫn <https://helioenergy.vn>.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025;
- Công văn số 14/2026/CV-HIO về việc Giải trình biến động kết quả SXKD BCTC hợp nhất năm 2025.

**Đại diện tổ chức**

Người được ủy quyền công bố thông tin



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Bùi Tuấn Dương*



## **Công ty Cổ phần Helio Energy**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future  
with confidence**

# Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



# Công ty Cổ phần Helio Energy

## MỤC LỤC

|                                               | <i>Trang</i> |
|-----------------------------------------------|--------------|
| Thông tin chung                               | 1            |
| Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật     | 2            |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                     | 3 - 4        |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất                 | 5 - 6        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 7            |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất           | 8 - 9        |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất        | 10 - 45      |

# Công ty Cổ phần Helio Energy

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 ngày 26 tháng 7 năm 2025.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                       |                    |
|-----------------------|--------------------|
| Ông Phan Thành Đạt    | Chủ tịch           |
| Ông Bùi Tuấn Dương    | Thành viên         |
| Ông Nguyễn Thanh Long | Thành viên độc lập |

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                          |                   |
|--------------------------|-------------------|
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh | Tổng Giám đốc     |
| Ông Bùi Tuấn Dương       | Phó Tổng Giám đốc |

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                           |            |
|---------------------------|------------|
| Ông Trần Minh Đức         | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Phương      | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | Thành viên |

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Phan Thành Đạt.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Helio Energy

## BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.



### TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Người đại diện theo pháp luật cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Người đại diện theo pháp luật cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người đại diện theo pháp luật



Phan Thành Đạt  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

0920  
ÔNG  
Ồ PH  
[EL  
VEI  
PH



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 13664222/E-68672455 - HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Helio Energy**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy (“Công ty”) và các công ty con được lập ngày 18 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### *Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty*

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future  
with confidence

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Đức Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Lê Minh Tùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                       | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|------------|-----------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    |             | <b>39.579.595.048</b>  | <b>105.993.229.700</b> |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền</b>                                | <b>5</b>    | <b>13.951.804.186</b>  | <b>32.285.088.317</b>  |
| 111        | 1. Tiền                                       |             | 13.951.804.186         | 32.285.088.317         |
| <b>130</b> | <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        |             | <b>13.731.886.917</b>  | <b>58.065.335.289</b>  |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng           | 6.1         | 13.054.158.180         | 42.101.975.734         |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn           | 6.2         | 637.086.353            | 1.733.424.554          |
| 136        | 3. Phải thu ngắn hạn khác                     | 8           | 152.916.488            | 14.229.935.001         |
| 137        | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi         | 6.1         | (112.274.104)          | -                      |
| <b>140</b> | <b>III. Hàng tồn kho</b>                      |             | <b>33.010.909</b>      | <b>150.025.270</b>     |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                               |             | 33.010.909             | 150.025.270            |
| <b>150</b> | <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>              |             | <b>11.862.893.036</b>  | <b>15.492.780.824</b>  |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                 | 7           | 2.647.978.013          | 1.489.634.180          |
| 152        | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                    |             | 9.214.915.023          | 14.003.146.644         |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     |             | <b>407.998.541.176</b> | <b>399.489.278.117</b> |
| <b>210</b> | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>          |             | <b>10.982.800.000</b>  | <b>8.093.600.000</b>   |
| 216        | 1. Phải thu dài hạn khác                      | 8           | 10.982.800.000         | 8.093.600.000          |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>                    |             | <b>293.415.048.481</b> | <b>338.421.065.888</b> |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 9           | 293.415.048.481        | 338.421.065.888        |
| 222        | Nguyên giá                                    |             | 484.452.101.846        | 493.147.313.989        |
| 223        | Giá trị khấu hao lũy kế                       |             | (191.037.053.365)      | (154.726.248.101)      |
| <b>230</b> | <b>III. Bất động sản đầu tư</b>               | <b>10</b>   | <b>23.753.941.807</b>  | <b>26.148.857.519</b>  |
| 231        | 1. Nguyên giá                                 |             | 35.093.712.424         | 35.093.712.424         |
| 232        | 2. Giá trị khấu hao lũy kế                    |             | (11.339.770.617)       | (8.944.854.905)        |
| <b>250</b> | <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>11</b>   | <b>66.385.078.617</b>  | <b>19.894.526.437</b>  |
| 252        | 1. Đầu tư vào công ty liên kết                |             | 20.385.078.617         | 19.894.526.437         |
| 253        | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác             |             | 46.000.000.000         | -                      |
| <b>260</b> | <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                |             | <b>13.461.672.271</b>  | <b>6.931.228.273</b>   |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 7           | 10.281.072.502         | 2.359.207.205          |
| 262        | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại             | 25.3        | 1.172.976.038          | 2.371.647.573          |
| 263        | 3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn |             | 103.929.812            | -                      |
| 269        | 4. Lợi thế thương mại                         | 12          | 1.903.693.919          | 2.200.373.495          |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      |             | <b>447.578.136.224</b> | <b>505.482.507.817</b> |



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số      | NGUỒN VỐN                                              | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|------------|--------------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                  |             | <b>181.734.678.001</b> | <b>251.591.176.763</b> |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                  |             | <b>75.770.451.604</b>  | <b>76.098.051.571</b>  |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                         | 13          | 2.434.359.599          | 1.466.893.671          |
| 313        | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                 | 14          | 2.098.072.770          | 4.905.339.186          |
| 314        | 3. Phải trả người lao động                             |             | 1.027.067.747          | 389.500.000            |
| 315        | 4. Chi phí phải trả ngắn hạn                           | 15          | 2.395.303.287          | 3.411.125.007          |
| 318        | 5. Doanh thu chưa thực hiện                            |             | 69.750.000             | 73.250.000             |
| 320        | 6. Vay ngắn hạn                                        | 17          | 66.475.600.000         | 65.617.000.000         |
| 322        | 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                           | 16          | 1.270.298.201          | 234.943.707            |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>                                  |             | <b>105.964.226.397</b> | <b>175.493.125.192</b> |
| 338        | 1. Vay dài hạn                                         | 17          | 105.757.205.058        | 175.143.705.058        |
| 341        | 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                     | 25.3        | 207.021.339            | 349.420.134            |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                               |             | <b>265.843.458.223</b> | <b>253.891.331.054</b> |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                               | <b>18</b>   | <b>265.843.458.223</b> | <b>253.891.331.054</b> |
| 411        | 1. Vốn cổ phần đã phát hành                            |             | 210.000.000.000        | 210.000.000.000        |
| 411a       | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết               |             | 210.000.000.000        | 210.000.000.000        |
| 420        | 2. Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu                       |             | 8.415.375.558          | 8.331.664.665          |
| 421        | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                   |             | 47.428.082.665         | 35.559.666.389         |
| 421a       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước |             | 33.873.365.511         | 14.480.905.409         |
| 421b       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay            |             | 13.554.717.154         | 21.078.760.980         |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                             |             | <b>447.578.136.224</b> | <b>505.482.507.817</b> |

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

  
Đỗ Thị Trang  
Người lập biểu

  
Lê Thị Trang  
Kế toán trưởng

  
Phan Thanh Đạt  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                                       | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước<br>(Trình bày lại) |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|------------------------------|
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                      | 19          | 109.611.227.676 | 119.299.308.527              |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                                | 19          | -               | -                            |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]              | 19          | 109.611.227.676 | 119.299.308.527              |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                                        | 20          | 68.948.346.468  | 67.237.104.406               |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]                |             | 40.662.881.208  | 52.062.204.121               |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                               |             | 32.191.523      | 993.709.167                  |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                                                           | 21          | 15.799.585.200  | 22.864.974.380               |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                                                      |             | 15.427.819.997  | 22.337.945.816               |
| 24    | 8. Lãi trong công ty liên kết                                                  | 11          | 490.552.180     | 619.237.588                  |
| 25    | 9. Chi phí bán hàng                                                            |             | -               | -                            |
| 26    | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                               | 22          | 9.111.253.198   | 7.941.121.990                |
| 30    | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26] |             | 16.274.786.513  | 22.869.054.506               |
| 31    | 12. Thu nhập khác                                                              | 23          | 347.753.310     | 5.755.882.421                |
| 32    | 13. Chi phí khác                                                               | 23          | 247.288.431     | 1.237.241.547                |
| 40    | 14. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]                                              | 23          | 100.464.879     | 4.518.640.874                |
| 50    | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]                           |             | 16.375.251.392  | 27.387.695.380               |
| 51    | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                                                | 25          | 1.764.261.498   | 9.134.799.445                |
| 52    | 17. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại                                      | 25          | 1.056.272.740   | (2.825.865.045)              |
| 60    | 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]                                |             | 13.554.717.154  | 21.078.760.980               |
| 61    | 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                                          |             | 13.554.717.154  | 21.078.760.980               |
| 62    | 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát                             |             | -               | -                            |
| 70    | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                                   | 27          | 645             | 923                          |
| 71    | 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                                                 | 27          | 645             | 923                          |

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 18 tháng 3 năm 2026



Đỗ Thị Trang  
Người lập biểu



Lê Thị Trang  
Kế toán trưởng



PHAN THANH ĐẠT  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                                             | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước             |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------|-----------------------|
|       | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                    |             |                         |                       |
| 01    | <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                                                  |             | <b>16.375.251.392</b>   | <b>27.387.695.380</b> |
|       | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>                                                     |             |                         |                       |
| 02    | Khấu hao tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại |             | 42.256.313.211          | 44.844.339.874        |
| 03    | Các khoản dự phòng                                                                   |             | 112.274.104             | -                     |
| 05    | Lãi từ hoạt động đầu tư                                                              |             | (486.705.246)           | (6.529.437.730)       |
| 06    | Chi phí lãi vay                                                                      | 21          | 15.427.819.997          | 22.337.945.816        |
| 08    | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                 |             | <b>73.684.953.458</b>   | <b>88.040.543.340</b> |
| 09    | Giảm/(tăng) các khoản phải thu                                                       |             | 17.612.362.979          | (7.328.142.378)       |
| 10    | Giảm hàng tồn kho                                                                    |             | 13.084.549              | 387.069.911           |
| 11    | Tăng/(giảm) các khoản phải trả                                                       |             | 152.862.570             | (3.792.999.670)       |
| 12    | (Tăng)/giảm chi phí trả trước                                                        |             | (9.296.094.016)         | 764.935.499           |
| 14    | Tiền lãi vay đã trả                                                                  |             | (15.495.045.970)        | (22.971.016.818)      |
| 15    | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                    | 14          | (4.404.694.192)         | (6.162.425.661)       |
| 17    | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                               |             | -                       | (570.938.081)         |
| 20    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                 |             | <b>62.267.429.378</b>   | <b>48.367.026.142</b> |
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                       |             |                         |                       |
| 22    | Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                    |             | 25.245.000.000          | 6.545.000.000         |
| 25    | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                              |             | (46.000.000.000)        | (4.273.000.000)       |
| 26    | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                          |             | 5.155.994.968           | 22.800.000.000        |
| 27    | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                  |             | 32.191.523              | 985.914.026           |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>                       |             | <b>(15.566.813.509)</b> | <b>26.057.914.026</b> |



T. J. N. H. H. G. MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                              | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước               |
|-------|-------------------------------------------------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>    |             |                         |                         |
| 33    | Tiền thu từ đi vay                                    |             | 64.684.316.852          | 204.740.227.106         |
| 34    | Tiền trả nợ gốc vay                                   |             | (129.718.216.852)       | (264.179.405.786)       |
| 40    | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính |             | <b>(65.033.900.000)</b> | <b>(59.439.178.680)</b> |
| 50    | Lưu chuyển tiền thuần trong năm                       |             | <b>(18.333.284.131)</b> | <b>14.985.761.488</b>   |
| 60    | Tiền đầu năm                                          |             | <b>32.285.088.317</b>   | <b>17.299.326.829</b>   |
| 70    | Tiền cuối năm                                         | 5           | <b>13.951.804.186</b>   | <b>32.285.088.317</b>   |

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 18 tháng 3 năm 2026



Đỗ Thị Trang  
Người lập biểu



Lê Thị Trang  
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Helio Energy (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 ngày 26 tháng 7 năm 2025.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 47 người (ngày 1 tháng 1 năm 2025 là 40 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 25 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết gián tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2025: 26 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết gián tiếp). Hoạt động chính trong năm hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau:

*Các công ty con trực tiếp:*

| STT | Công ty                              | Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Địa chỉ                                                            |
|-----|--------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 1   | Công ty TNHH Apollo Power 4          | 100%                                        | Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 2   | Công ty TNHH Ampire Power 4          | 100%                                        | Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 3   | Công ty TNHH Omega Power 3           | 100%                                        | Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 4   | Công ty TNHH Helio Bình Thuận        | 100%                                        | Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Thuận Nam, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam          |
| 5   | Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt      | 100%                                        | Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam             |
| 6   | Công ty TNHH Dahlia Việt Nam         | 100%                                        | Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam                          |
| 7   | Công ty TNHH Zon Power Việt Nam      | 100%                                        | Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam             |
| 8   | Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh | 100%                                        | Thôn Trung Hòa, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam                  |
| 9   | Công ty TNHH KCP Energy              | 100%                                        | Thôn Trung Hòa, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam                  |
| 10  | Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới   | 100%                                        | Thôn 23, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam                         |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

*Các công ty con trực tiếp: (tiếp theo)*

| <i>STT</i> | <i>Công ty</i>                            | <i>Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</i> | <i>Địa chỉ</i>                                         |
|------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 11         | Công ty TNHH New Power Việt Nam           | 100%                                               | Thôn 23, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam             |
| 12         | Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ        | 100%                                               | Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam              |
| 13         | Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh       | 100%                                               | Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam              |
| 14         | Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú         | 100%                                               | Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam              |
| 15         | Công ty TNHH Two Brothers Energy          | 100%                                               | Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam              |
| 16         | Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt             | 100%                                               | Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam              |
| 17         | Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh            | 100%                                               | Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam |
| 18         | Công ty TNHH Orchid Việt Nam              | 100%                                               | Thôn 5, Xã Ea Khăl, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam             |
| 19         | Công ty TNHH Solar Việt                   | 100%                                               | Thôn 5, Xã Ea Khăl, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam             |
| 20         | Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới      | 100%                                               | Thôn 2, Xã Ea Ning, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam             |
| 21         | Công ty TNHH Sol Power Việt Nam           | 100%                                               | Thôn 2, Xã Ea Ning, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam             |
| 22         | Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú | 100%                                               | Thôn Nhà Đền, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam      |
| 23         | Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy   | 100%                                               | Thôn Nhà Đền, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam      |
| 24         | Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam      | 100%                                               | Thôn Nhà Đền, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam      |
| 25         | Công ty TNHH Carnation Việt Nam           | 100%                                               | Thôn Nhà Đền, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam      |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY** (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

Các công ty con gián tiếp:

| STT | Công ty                                      | Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Địa chỉ                                                                             |
|-----|----------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam  | 100%                                        | Thôn Rừng Lạnh, Xã Đắc Song, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam                                |
| 2   | Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng | 100%                                        | Số 34, Ngõ 214, Đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         |
| 3   | Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình    | 100%                                        | Xóm 8, Thôn Đồng Tâm, Xã Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      |
| 4   | Công ty TNHH Duy Đình Solar                  | 100%                                        | Thôn 7, Xã Trường Xuân, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam                                     |
| 5   | Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam               | 100%                                        | Số 5C, Ngách 445/10, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 6   | Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam              | 100%                                        | Thôn 1, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam                                         |
| 7   | Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam            | 100%                                        | Số 8, Ngõ 1126, Đường Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    |

Các công ty liên kết gián tiếp

| STT | Công ty                                     | Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Địa chỉ                                                                                                      |
|-----|---------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Công ty TNHH VVT Việt Nam                   | 38%                                         | Số 6, ngách 44/1/54 Phố Bằng B, Phường Hoàng Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                |
| 2   | Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Nghiêm Văn | 46%                                         | Tầng 1, Tòa nhà Licogi 13 Đơn Nguyên A, Số 164 Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 3   | Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam             | 47%                                         | Số 5C, Ngách 445/10 Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                 |
| 4   | Công ty TNHH NVP Việt Nam                   | 48%                                         | Thôn Bon Bu M'Lanh B, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam                                                    |
| 5   | Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam | 40%                                         | Thôn Rừng Lạnh, Xã Đắc Song, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam                                                         |

Công ty nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các công ty con gián tiếp, công ty liên kết gián tiếp này thông qua các công ty con trực tiếp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty và các công ty con là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty và công ty con đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                        |             |
|------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 15 năm |
| Máy móc, thiết bị      | 10 - 15 năm |
| Thiết bị văn phòng     | 3 năm       |
| Phương tiện truyền dẫn | 6 - 10 năm  |
| Tấm pin mặt trời       | 15 - 20 năm |

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

|                        |        |
|------------------------|--------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 năm |
|------------------------|--------|

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

*Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung*

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và các công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

B111  
 NG  
 TNH  
 T &  
 T  
 T  
 T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cản trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Vốn cổ phần**

*Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

302  
TY  
H  
YON  
NA  
I  
C

C.P.  
★

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và khách hàng và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Doanh thu cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Doanh thu từ tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Người đại diện theo pháp luật xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty và các công ty con là ở Việt Nam. Do đó, Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

#### 3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các Công ty và các công ty con hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM**

**4.1. Thoái vốn toàn bộ trong Công ty TNHH Apollo Power 2, công ty con**

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Apollo Power 2 cho một cá nhân với giá 11.000.000.000 VND, qua đó, Công ty TNHH Apollo Power 2 không còn là công ty con của Công ty từ ngày này.

**4.2. Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha**

Theo Nghị quyết số 09.1/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua việc đầu tư góp vốn 4.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, tương đương với 9,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha ("Công ty Alpha"). Công ty đã hoàn thành giao dịch góp vốn thành lập vào ngày 13 tháng 11 năm 2025.

Công ty Alpha là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Kinh doanh Bảo hiểm Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 101/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2025. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Alpha là kinh doanh Tái Bảo Hiểm.

**5. TIỀN**

|                    | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                       |
|--------------------|-------------------------|-----------------------|
|                    | <i>Số cuối năm</i>      | <i>Số đầu năm</i>     |
| Tiền mặt           | 2.303.815.000           | 3.463.228.000         |
| Tiền gửi ngân hàng | 11.647.989.186          | 28.821.860.317        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>13.951.804.186</b>   | <b>32.285.088.317</b> |

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|                                                                                            | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------|
|                                                                                            | <i>Số cuối năm</i>      | <i>Số đầu năm</i>     |
| Phải thu từ khách hàng                                                                     | 12.717.198.180          | 41.324.375.734        |
| - Công ty Điện lực Đắk Lắk – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung                    | 2.960.140.353           | 2.035.056.283         |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng OSCAR                                         | 3.450.700.012           | 28.079.700.012        |
| - Công ty Điện lực Lâm Đồng – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam                     | 2.490.985.130           | 1.954.456.283         |
| - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Bình Dương | 810.316.951             | 2.303.386.129         |
| - Khác                                                                                     | 3.005.055.734           | 6.951.777.027         |
| Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)                                          | 336.960.000             | 777.600.000           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                           | <b>13.054.158.180</b>   | <b>42.101.975.734</b> |
| Dự phòng phải thu khó đòi                                                                  | (112.274.104)           | -                     |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|                                                | Đơn vị tính: VND   |                      |
|------------------------------------------------|--------------------|----------------------|
|                                                | Số cuối năm        | Số đầu năm           |
| Công ty TNHH Phú Gia Construction              | 467.328.960        | 400.000.000          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến  | 113.260.000        | 129.440.000          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng | -                  | 252.000.000          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK              | -                  | 710.988.000          |
| Khác                                           | 56.497.393         | 240.996.554          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                               | <b>637.086.353</b> | <b>1.733.424.554</b> |

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                                   | Đơn vị tính: VND      |                      |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                   | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
| <b>Ngắn hạn</b>                   |                       |                      |
| Tiền thuê đất, thuê mái trả trước | 1.457.967.416         | 724.952.347          |
| Chi phí sửa chữa mái              | 482.960.932           | -                    |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác   | 707.049.665           | 764.681.833          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                  | <b>2.647.978.013</b>  | <b>1.489.634.180</b> |
| <b>Dài hạn</b>                    |                       |                      |
| Tiền thuê đất, thuê mái trả trước | 8.076.242.703         | 1.269.704.229        |
| Chi phí sửa chữa văn phòng        | 1.338.442.533         | -                    |
| Chi phí trả trước dài hạn khác    | 866.387.266           | 1.089.502.976        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                  | <b>10.281.072.502</b> | <b>2.359.207.205</b> |

**8. PHẢI THU KHÁC**

|                                | Đơn vị tính: VND      |                       |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| <b>Ngắn hạn</b>                |                       |                       |
| Các khoản đặt cọc              | 51.000.000            | 14.125.000.000        |
| Khác                           | 101.916.488           | 104.935.001           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>152.916.488</b>    | <b>14.229.935.001</b> |
| <b>Dài hạn</b>                 |                       |                       |
| Đặt cọc thuê mái nhà, thuê đất | 10.982.800.000        | 8.093.600.000         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>10.982.800.000</b> | <b>8.093.600.000</b>  |

## Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| Nguyên giá:                        | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc,<br>thiết bị | Thiết bị<br>văn phòng | Phương tiện<br>truyền dẫn | Tám pin mặt trời | Tổng cộng       | Đơn vị tính: VND |
|------------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|---------------------------|------------------|-----------------|------------------|
| Số đầu năm                         | 8.055.743.108             | 152.872.416.235      | 102.201.818           | 86.648.448.150            | 245.468.504.678  | 493.147.313.989 |                  |
| - Giảm do thoái vốn công ty<br>con | (42.453.301)              | (3.302.910.507)      | -                     | (878.682.804)             | (4.471.165.531)  | (8.695.212.143) |                  |
| Số cuối năm                        | 8.013.289.807             | 149.569.505.728      | 102.201.818           | 85.769.765.346            | 240.997.339.147  | 484.452.101.846 |                  |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>    |                           |                      |                       |                           |                  |                 |                  |
| Số đầu năm                         | 2.547.661.849             | 55.831.899.388       | 50.093.537            | 33.020.722.231            | 63.275.871.096   | 154.726.248.101 |                  |
| - Khấu hao trong năm               | 657.329.728               | 14.273.874.702       | 34.067.268            | 9.041.242.208             | 15.558.204.017   | 39.564.717.923  |                  |
| - Giảm do thoái vốn công ty<br>con | (13.443.564)              | (1.407.225.690)      | -                     | (417.374.292)             | (1.415.869.113)  | (3.253.912.659) |                  |
| Số cuối năm                        | 3.191.548.013             | 68.698.548.400       | 84.160.805            | 41.644.590.147            | 77.418.206.000   | 191.037.053.365 |                  |
| <b>Giá trị còn lại:</b>            |                           |                      |                       |                           |                  |                 |                  |
| Số đầu năm                         | 5.508.081.259             | 97.040.516.847       | 52.108.281            | 53.627.725.919            | 182.192.633.582  | 338.421.065.888 |                  |
| Số cuối năm                        | 4.821.741.794             | 80.870.957.328       | 18.041.013            | 44.125.175.199            | 163.579.133.147  | 293.415.048.481 |                  |

Công ty và các công ty con đã sử dụng toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (tám pin năng lượng mặt trời, khung giá đỡ tám pin và một số tài sản khác) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

*Đơn vị tính: VND*

*Nhà cửa, vật kiến trúc*

|                                 |                |
|---------------------------------|----------------|
| <b>Nguyên giá:</b>              |                |
| Số đầu năm                      | 35.093.712.424 |
| Số cuối năm                     | 35.093.712.424 |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b> |                |
| Số đầu năm                      | 8.944.854.905  |
| - Hao mòn trong năm             | 2.394.915.712  |
| Số cuối năm                     | 11.339.770.617 |
| <b>Giá trị còn lại:</b>         |                |
| Số đầu năm                      | 26.148.857.519 |
| Số cuối năm                     | 23.753.941.807 |

Bất động sản đầu tư của Công ty và các công ty con bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty và các công ty con sở hữu và vận hành cho thuê.

Công ty và các công ty con chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý.

Công ty và các công ty con đã sử dụng toàn bộ bất động sản đầu tư làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

## Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

#### 11.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VND

|                                                                     | Công ty TNHH<br>Đầu tư Năng lượng<br>NNL Việt Nam | Công ty TNHH<br>VVT Việt Nam | Công ty TNHH<br>NVP Việt Nam | Công ty TNHH<br>Năng lượng Mặt<br>trời Nghiêm Văn | Công ty TNHH<br>DTT Solar Việt<br>Nam | Tổng cộng      |
|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------|
| <b>Giá trị đầu tư:</b>                                              |                                                   |                              |                              |                                                   |                                       |                |
| Số đầu năm                                                          | 3.933.000.000                                     | 3.337.000.000                | 4.225.100.000                | 4.018.200.000                                     | 4.026.400.000                         | 19.539.700.000 |
| Số cuối năm                                                         | 3.933.000.000                                     | 3.337.000.000                | 4.225.100.000                | 4.018.200.000                                     | 4.026.400.000                         | 19.539.700.000 |
| <b>Phần lũy kế lợi nhuận/(lỗ)<br/>sau khi mua công ty liên kết:</b> |                                                   |                              |                              |                                                   |                                       |                |
| Số đầu năm                                                          | (72.871.680)                                      | (198.639.152)                | 311.768.722                  | 169.569.960                                       | 144.998.587                           | 354.826.437    |
| - Phần lợi nhuận từ công ty<br>liên kết                             | 9.141.498                                         | 45.367.427                   | 185.803.066                  | 135.329.540                                       | 114.910.649                           | 490.552.180    |
| Số cuối năm                                                         | (63.730.182)                                      | (153.271.725)                | 497.571.788                  | 304.899.500                                       | 259.909.236                           | 845.378.617    |
| <b>Giá trị còn lại:</b>                                             |                                                   |                              |                              |                                                   |                                       |                |
| Số đầu năm                                                          | 3.860.128.320                                     | 3.138.360.848                | 4.536.868.722                | 4.187.769.960                                     | 4.171.398.587                         | 19.894.526.437 |
| Số cuối năm                                                         | 3.869.269.818                                     | 3.183.728.275                | 4.722.671.788                | 4.323.099.500                                     | 4.286.309.236                         | 20.385.078.617 |

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các công ty này chưa niêm yết.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết cũng như tỷ lệ sở hữu của Công ty và các công ty con tại các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**11.2 Đầu tư vào đơn vị khác**

|                                    | Số cuối năm       |                            | Số đầu năm            |                            |
|------------------------------------|-------------------|----------------------------|-----------------------|----------------------------|
|                                    | Tỷ lệ lợi ích (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%)     | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) |
| Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha | 9,2%              | 9,2%                       | 46.000.000.000        | -                          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                   |                   |                            | <b>46.000.000.000</b> | <b>-</b>                   |

Theo Nghị quyết số 09.1/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua việc đầu tư góp vốn 4.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, tương đương với 9,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha. Công ty đã hoàn thành giao dịch góp vốn thành lập vào ngày 13 tháng 11 năm 2025.

Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Kinh doanh Bảo hiểm Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 101/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2025. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha là kinh doanh tái bảo hiểm.

## Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Tình hình tăng, giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

|                         | Lợi thế thương mại từ<br>hợp nhất Công ty<br>TNHH Đầu tư Năng<br>lượng NVH Việt Nam | Lợi thế thương mại từ<br>hợp nhất Công ty<br>TNHH Năng lượng<br>Mặt trời Thành Thăng | Lợi thế thương mại<br>từ hợp nhất Công ty<br>TNHH Duy Định<br>Việt Nam | Lợi thế thương mại<br>từ hợp nhất Công ty<br>TNHH NHY Solar<br>Việt Nam | Lợi thế thương mại<br>từ hợp nhất Công ty<br>TNHH Quang Trung<br>Việt Nam | Đơn vị tính: VND |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>Nguyên giá:</b>      |                                                                                     |                                                                                      |                                                                        |                                                                         |                                                                           |                  |
| Số đầu năm              | 653.812.196                                                                         | 817.205.281                                                                          | 595.896.948                                                            | 672.236.435                                                             | 227.644.870                                                               | 2.966.795.730    |
| Số cuối năm             | 653.812.196                                                                         | 817.205.281                                                                          | 595.896.948                                                            | 672.236.435                                                             | 227.644.870                                                               | 2.966.795.730    |
| <b>Phân bổ lũy kế:</b>  |                                                                                     |                                                                                      |                                                                        |                                                                         |                                                                           |                  |
| Số đầu năm              | 168.901.485                                                                         | 211.111.364                                                                          | 153.940.045                                                            | 173.661.081                                                             | 58.808.260                                                                | 766.422.235      |
| - Phân bổ trong năm     | 65.381.220                                                                          | 81.720.528                                                                           | 59.589.696                                                             | 67.223.640                                                              | 22.764.492                                                                | 296.679.576      |
| Số cuối năm             | 234.282.705                                                                         | 292.831.892                                                                          | 213.529.741                                                            | 240.884.721                                                             | 81.572.752                                                                | 1.063.101.811    |
| <b>Giá trị còn lại:</b> |                                                                                     |                                                                                      |                                                                        |                                                                         |                                                                           |                  |
| Số đầu năm              | 484.910.711                                                                         | 606.093.917                                                                          | 441.956.903                                                            | 498.575.354                                                             | 168.836.610                                                               | 2.200.373.495    |
| Số cuối năm             | 419.529.491                                                                         | 524.373.389                                                                          | 382.367.207                                                            | 431.351.714                                                             | 146.072.118                                                               | 1.903.693.919    |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

|                                   | Số cuối năm          |                       | Số đầu năm           |                       |
|-----------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
|                                   | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ |
| Công Ty Cổ Phần S-Home Việt Nam   | 945.517.936          | 945.517.936           | -                    | -                     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK | 494.515.200          | 494.515.200           | -                    | -                     |
| Công ty TNHH Hãng kiểm toán AMA   | 290.088.000          | 290.088.000           | 563.112.000          | 563.112.000           |
| Công ty Cổ phần Amber Capital     | -                    | -                     | 168.687.750          | 168.687.750           |
| Phải trả đối tượng khác           | 704.238.463          | 704.238.463           | 735.093.921          | 735.093.921           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                  | <b>2.434.359.599</b> | <b>2.434.359.599</b>  | <b>1.466.893.671</b> | <b>1.466.893.671</b>  |

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

|                            | Số đầu năm           | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm  | Giảm do               | Số cuối năm          |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
|                            |                      |                       |                      | thoái vốn công ty con |                      |
| Thuế giá trị gia tăng      | 364.438.238          | 1.266.253.491         | 1.369.693.568        | -                     | 260.998.161          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.404.694.192        | 1.764.261.498         | 4.404.694.192        | 10.199.442            | 1.754.062.056        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 136.206.756          | 558.337.317           | 611.531.520          | -                     | 83.012.553           |
| Thuế môn bài               | -                    | 79.000.000            | 79.000.000           | -                     | -                    |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>4.905.339.186</b> | <b>3.667.852.306</b>  | <b>6.464.919.280</b> | <b>10.199.442</b>     | <b>2.098.072.770</b> |

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

|                            | Số cuối năm                         | Số đầu năm           |
|----------------------------|-------------------------------------|----------------------|
|                            | Chi phí dịch vụ vận hành và bảo trì | 1.604.528.548        |
| Chi phí lãi vay            | 204.524.739                         | 271.750.712          |
| Các khoản trích trước khác | 586.250.000                         | 1.090.920.846        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>2.395.303.287</b>                | <b>3.411.125.007</b> |

**16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Đơn vị tính: VND

|                                            | Năm nay              | Năm trước          |
|--------------------------------------------|----------------------|--------------------|
|                                            | Số đầu năm           | 234.943.707        |
| Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 1.686.300.878        | 805.881.788        |
| Sử dụng trong năm                          | (650.946.384)        | (570.938.081)      |
| <b>Số cuối năm</b>                         | <b>1.270.298.201</b> | <b>234.943.707</b> |

## Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 17. VAY

Đơn vị tính: VND

| Thuyết minh                        | Số đầu năm                                 |                        | Số phát sinh trong năm |                        | Phân loại lại theo lịch trả nợ |                       | Giảm do thoái vốn công ty con | Số cuối năm            |
|------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------------|-----------------------|-------------------------------|------------------------|
|                                    | Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ | Tăng                   | Giảm                   | Tăng                   | Giảm                           | Giảm                  |                               |                        |
| <b>Vay ngắn hạn</b>                |                                            |                        |                        |                        |                                |                       |                               |                        |
| Vay cá nhân                        | 17.1                                       | 520.000.000            | 2.440.000.000          | 2.620.000.000          | -                              | -                     | -                             | 340.000.000            |
| Vay dài hạn đến hạn trả            | 17.2                                       | 65.097.000.000         | 5.484.300.000          | 74.123.600.000         | 70.522.900.000                 | -                     | 845.000.000                   | 66.135.600.000         |
|                                    |                                            | <b>65.617.000.000</b>  | <b>7.924.300.000</b>   | <b>76.743.600.000</b>  | <b>70.522.900.000</b>          | -                     | <b>845.000.000</b>            | <b>66.475.600.000</b>  |
| <b>Vay dài hạn</b>                 |                                            |                        |                        |                        |                                |                       |                               |                        |
| Vay ngân hàng và công ty tài chính | 17.2                                       | 175.143.705.058        | 56.760.016.852         | 52.974.616.852         | -                              | 70.522.900.000        | 2.649.000.000                 | 105.757.205.058        |
|                                    |                                            | <b>175.143.705.058</b> | <b>56.760.016.852</b>  | <b>52.974.616.852</b>  | -                              | <b>70.522.900.000</b> | <b>2.649.000.000</b>          | <b>105.757.205.058</b> |
|                                    |                                            | <b>240.760.705.058</b> | <b>64.684.316.852</b>  | <b>129.718.216.852</b> | <b>70.522.900.000</b>          | <b>70.522.900.000</b> | <b>3.494.000.000</b>          | <b>172.232.805.058</b> |

### 17.1 Vay cá nhân

Đây là các khoản vay tín chấp từ cá nhân với thời hạn dưới 1 năm, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào tháng 7 năm 2026. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 10%/năm, lãi vay trả cuối kỳ.

## Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 17. VAY (tiếp theo)

#### 17.2 Vay ngân hàng và công ty tài chính dài hạn

| Bên cho vay                                                           | Số cuối năm<br>(VND) | Kỳ hạn trả gốc và lãi vay                                                                                 | Lãi suất<br>(%/năm) | Hình thức đảm bảo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam - Chi nhánh<br>Nam Thăng Long | 59.999.500.000       | Khoản vay cuối cùng được<br>hoàn trả vào tháng 11 năm<br>2027. Gốc vay và lãi vay<br>được trả hàng tháng. | 6,6%                | <ul style="list-style-type: none"><li>- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con;</li><li>- Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp;</li><li>- Quyền khai thác và quản lý dự án đầu tư;</li><li>- Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.</li></ul>                                                                                                       |
| Ngân hàng TMCP Xuất nhập<br>khẩu Việt Nam – Chi nhánh<br>Đắk Lắk      | 13.260.000.000       | Khoản vay cuối cùng được<br>hoàn trả vào tháng 10 năm<br>2027. Gốc vay và lãi vay<br>được trả hàng tháng. | 7%                  | <ul style="list-style-type: none"><li>- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con;</li><li>- Quyền phát sinh từ việc khai thác, kinh doanh, vận hành một số dự án điện mặt trời;</li><li>- Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con gắn tiếp theo các Hợp đồng thế chấp;</li><li>- Quyền sử dụng đất của một số cá nhân.</li></ul>                                                                                                  |
| Ngân hàng TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam - Chi nhánh<br>Hoàn Kiếm      | 33.840.493.976       | Khoản vay cuối cùng được<br>hoàn trả vào tháng 7 năm<br>2029. Gốc vay và lãi vay<br>được trả hàng tháng.  | 7,1% - 7,9%         | <ul style="list-style-type: none"><li>- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty và một số công ty con;</li><li>- 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power – công ty mẹ của Công ty;</li><li>- Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp;</li><li>- Quyền khai thác và quản lý một số dự án đầu tư;</li><li>- Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.</li></ul> |

## Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 17. VAY (tiếp theo)

#### 17.2 Vay ngân hàng và công ty tài chính dài hạn (tiếp theo)

| Bên cho vay                                                                                                                               | Số cuối năm<br>(VND)   | Kỳ hạn trả gốc và lãi vay                                                                                 | Lãi suất<br>(%/năm) | Hình thức đảm bảo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Tài chính Tổng hợp<br>Cổ phần Điện lực – Chi<br>nhánh Hà Nội (tên cũ Công ty<br>Tài chính Cổ phần Điện lực –<br>Chi nhánh Hà Nội) | 26.807.008.426         | Khoản vay cuối cùng được<br>hoàn trả vào tháng 8 năm<br>2032. Gốc vay và lãi vay<br>được trả hàng tháng.  | 10,5%               | - Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một<br>số công ty con;<br>- Quyền phát sinh từ việc khai thác, kinh<br>doanh, vận hành một số dự án điện mặt trời;<br>- Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con<br>gián tiếp theo các Hợp đồng thế chấp;<br>- Quyền sử dụng đất của một số cá nhân.<br>- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của<br>một số công ty con. |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và<br>Phát triển Việt Nam - Chi<br>nhánh Ban Mê                                                                     | 24.435.802.656         | Khoản vay cuối cùng được<br>hoàn trả vào tháng 6 năm<br>2030. Gốc vay và lãi vay<br>được trả hàng tháng.  | 8,4%                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Ngân hàng TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam - Chi nhánh<br>Quảng Bình                                                                         | 9.580.000.000          | Khoản vay cuối cùng được<br>hoàn trả vào tháng 6 năm<br>2029. Gốc vay và lãi vay<br>được trả hàng tháng.  | 7,6% - 7,9%         | - Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của<br>một số công ty con;<br>- Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một<br>số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp;<br>- Quyền khai thác và quản lý một số dự án<br>đầu tư;<br>- Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua<br>bán điện của một số công ty con.                                                                 |
| Công ty Tài chính Tổng hợp<br>Cổ phần Điện lực (tên cũ<br>Công ty Tài chính Cổ phần<br>Điện)                                              | 3.970.000.000          | Khoản vay cuối cùng được<br>hoàn trả vào tháng 11 năm<br>2027. Gốc vay và lãi vay<br>được trả hàng tháng. | 8,88%               | - Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà<br>thuộc sở hữu Công ty.                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                                                          | <b>171.892.805.058</b> |                                                                                                           |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Trong đó:                                                                                                                                 |                        |                                                                                                           |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Vay dài hạn đến hạn trả                                                                                                                   | 66.135.600.000         |                                                                                                           |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Vay dài hạn                                                                                                                               | 105.757.205.058        |                                                                                                           |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

## Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 18.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

|                                           | Vốn cổ phần<br>đã phát hành | Vốn khác của<br>chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Đơn vị tính: VND |
|-------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------|--------------------------------------|------------------|
| <b>Năm trước</b>                          |                             |                            |                                      |                  |
| Số đầu năm                                | 210.000.000.000             | 8.331.664.665              | 15.286.787.197                       | 233.618.451.862  |
| - Lợi nhuận thuần trong năm               | -                           | -                          | 21.078.760.980                       | 21.078.760.980   |
| - Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi     | -                           | -                          | (805.881.788)                        | (805.881.788)    |
| Số cuối năm                               | 210.000.000.000             | 8.331.664.665              | 35.559.666.389                       | 253.891.331.054  |
| <b>Năm nay</b>                            |                             |                            |                                      |                  |
| Số đầu năm                                | 210.000.000.000             | 8.331.664.665              | 35.559.666.389                       | 253.891.331.054  |
| - Lợi nhuận thuần trong năm               | -                           | -                          | 13.554.717.154                       | 13.554.717.154   |
| - Thoái vốn công ty con                   | -                           | 83.710.893                 | -                                    | 83.710.893       |
| - Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | -                           | -                          | (1.686.300.878)                      | (1.686.300.878)  |
| Số cuối năm                               | 210.000.000.000             | 8.415.375.558              | 47.428.082.665                       | 265.843.458.223  |

(\*) Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

#### 18.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

|                              | Số cuối năm            |                   | Số đầu năm             |                   |
|------------------------------|------------------------|-------------------|------------------------|-------------------|
|                              | Tổng giá trị (VND)     | Cổ phiếu thường   | Tổng giá trị (VND)     | Cổ phiếu thường   |
| Công ty Cổ phần Helio Power  | 145.560.000.000        | 14.556.000        | 145.560.000.000        | 14.556.000        |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 64.440.000.000         | 6.444.000         | 64.440.000.000         | 6.444.000         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>             | <b>210.000.000.000</b> | <b>21.000.000</b> | <b>210.000.000.000</b> | <b>21.000.000</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

|                                     | Đơn vị tính: VND |                 |
|-------------------------------------|------------------|-----------------|
|                                     | Năm nay          | Năm trước       |
| <b>Vốn đã góp</b>                   |                  |                 |
| Số đầu năm                          | 210.000.000.000  | 210.000.000.000 |
| Số cuối năm                         | 210.000.000.000  | 210.000.000.000 |
| <b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b> | -                | -               |

**18.4 Cổ phiếu**

|                               | Năm nay           | Năm trước         |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|
|                               | Số cổ phần        | Số cổ phần        |
| <b>Cổ phiếu đã được duyệt</b> | <b>21.000.000</b> | <b>21.000.000</b> |
| <b>Cổ phiếu đã phát hành</b>  |                   |                   |
| Cổ phiếu phổ thông            | 21.000.000        | 21.000.000        |
| <b>Cổ phiếu đang lưu hành</b> |                   |                   |
| Cổ phiếu phổ thông            | 21.000.000        | 21.000.000        |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 1 tháng 1 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu).

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                                                            | Đơn vị tính: VND       |                        |
|------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                            | Năm nay                | Năm trước              |
| <b>Tổng doanh thu</b>                                      | <b>109.611.227.676</b> | <b>119.299.308.527</b> |
| <i>Trong đó:</i>                                           |                        |                        |
| Doanh thu bán điện                                         | 93.105.388.920         | 100.487.685.023        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý                 | 14.023.455.280         | 14.111.420.120         |
| Doanh thu cho thuê                                         | 2.482.383.476          | 4.700.203.384          |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>                        | -                      | -                      |
| <b>Doanh thu thuần</b>                                     | <b>109.611.227.676</b> | <b>119.299.308.527</b> |
| <i>Trong đó:</i>                                           |                        |                        |
| Doanh thu đối với các bên khác                             | 108.111.552.676        | 114.482.572.307        |
| Doanh thu đối với các bên liên quan<br>(Thuyết minh số 26) | 1.499.675.000          | 4.816.736.220          |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

|                                 | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                       |
|---------------------------------|-------------------------|-----------------------|
|                                 | <i>Năm nay</i>          | <i>Năm trước</i>      |
| Giá vốn bán điện                | 57.387.176.353          | 53.538.671.869        |
| Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý | 8.868.539.731           | 8.585.523.073         |
| Giá vốn hoạt động cho thuê      | 2.692.630.384           | 5.112.909.464         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                | <b>68.948.346.468</b>   | <b>67.237.104.406</b> |

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                        | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                       |
|------------------------|-------------------------|-----------------------|
|                        | <i>Năm nay</i>          | <i>Năm trước</i>      |
| Chi phí lãi vay        | 15.427.819.997          | 22.337.945.816        |
| Chi phí tài chính khác | 371.765.203             | 527.028.564           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>       | <b>15.799.585.200</b>   | <b>22.864.974.380</b> |

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                  | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                      |
|----------------------------------|-------------------------|----------------------|
|                                  | <i>Năm nay</i>          | <i>Năm trước</i>     |
| Chi phí nhân viên quản lý        | 2.786.670.531           | 2.221.884.766        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 152.645.196             | 152.645.196          |
| Dự phòng phải thu khó đòi        | 112.274.104             | -                    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 5.675.855.359           | 4.810.011.643        |
| Phân bổ lợi thế thương mại       | 296.679.576             | 588.130.691          |
| Chi phí khác                     | 87.128.432              | 168.449.694          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                 | <b>9.111.253.198</b>    | <b>7.941.121.990</b> |

**23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

|                                                                        | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                      |
|------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------|
|                                                                        | <i>Năm nay</i>          | <i>Năm trước</i>     |
| <b>Thu nhập khác</b>                                                   | <b>347.753.310</b>      | <b>5.755.882.421</b> |
| Lãi thanh lý tài sản                                                   | -                       | 4.924.286.116        |
| Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng giấy chứng nhận năng lượng tái tạo | 346.194.086             | 300.156.630          |
| Các khoản khác                                                         | 1.559.224               | 531.439.675          |
| <b>Chi phí khác</b>                                                    | <b>247.288.431</b>      | <b>1.237.241.547</b> |
| Tiền chậm nộp thuế TNDN                                                | 85.294.676              | 935.136.186          |
| Các khoản khác                                                         | 161.993.755             | 302.105.361          |
| <b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>                                                  | <b>100.464.879</b>      | <b>4.518.640.874</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                                                                     | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------|
|                                                                                     | <i>Năm nay</i>          | <i>Năm trước</i>      |
| Chi phí nhân công                                                                   | 11.429.447.658          | 9.087.323.392         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại | 42.256.313.211          | 44.844.339.874        |
| Dự phòng phải thu khó đòi                                                           | 112.274.104             | -                     |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                                           | 24.134.211.494          | 20.569.021.917        |
| Chi phí khác                                                                        | 127.353.199             | 289.979.214           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                    | <b>78.059.599.666</b>   | <b>74.790.664.397</b> |

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty và các công ty con được quy định theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (“Luật số 67”) do Quốc hội ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. Theo đó, Công ty và các công ty con áp dụng các mức thuế suất theo Luật số 67 ban hành khi lập báo cáo tài chính hợp nhất này là 15% lợi nhuận chịu thuế áp dụng đối với các công ty có tổng doanh thu một năm không quá 3 tỷ VND, và 17% lợi nhuận chịu thuế áp dụng đối với các công ty có tổng doanh thu một năm từ trên 3 tỷ VND đến không quá 50 tỷ VND, ngoại trừ các trường hợp sau:

- ▶ Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại một số xã thuộc tỉnh Lâm Đồng (trước đó là tỉnh Đắk Nông) được hưởng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 10% trong 15 năm đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 4 năm đầu tiên từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2021) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2025).
- ▶ Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại xã Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng (trước đây là tỉnh Bình Thuận) được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 2 năm đầu tiên từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2021) và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2023).

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

|                                                                                     | Đơn vị tính: VND      |                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                                     | Năm nay               | Năm trước             |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                                            | <b>16.375.251.392</b> | <b>27.387.695.380</b> |
| <b>Các khoản điều chỉnh</b>                                                         |                       |                       |
| Chi phí không được trừ                                                              | 695.243.655           | 2.554.007.865         |
| Chuyển lãi vay không được trừ các năm trước sang chi phí lãi vay được trừ trong năm | (5.925.180.716)       | (5.234.221.039)       |
| Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất                                                     | 1.294.914.240         | 963.500.469           |
| <b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>                              | <b>12.440.228.571</b> | <b>25.670.982.675</b> |
| <i>Trong đó</i>                                                                     |                       |                       |
| Thu nhập chịu thuế suất 20%                                                         | -                     | 21.923.690.295        |
| Thu nhập chịu thuế suất 17%                                                         | 9.035.484.380         | -                     |
| Thu nhập chịu thuế suất 15%                                                         | 494.751.835           | -                     |
| Thu nhập chịu thuế suất 10%                                                         | -                     | 199.561.353           |
| Thu nhập chịu thuế suất 10% và giảm 50%                                             | 2.666.656.372         | -                     |
| Thu nhập chịu thuế suất 17% và giảm 50%                                             | 243.335.984           | -                     |
| Thu nhập được miễn, giảm thuế                                                       | -                     | 3.547.731.027         |
| <b>Chi phí thuế TNDN trước điều chỉnh năm trước</b>                                 | <b>1.764.261.498</b>  | <b>4.404.694.192</b>  |
| Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước                                         | -                     | 4.730.105.253         |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>                                                  | <b>1.764.261.498</b>  | <b>9.134.799.445</b>  |

**25.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**25.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty và các công ty con đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước thể hiện như sau:

Đơn vị tính: VND

|                                                                                                 | <i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i> |                      | <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i> |                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------|----------------------|
|                                                                                                 | <i>Số cuối năm</i>                   | <i>Số đầu năm</i>    | <i>Năm nay</i>                                       | <i>Năm trước</i>     |
| <b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>                                                           |                                      |                      |                                                      |                      |
| Lãi vay không được khấu trừ                                                                     | 661.838.012                          | 1.855.871.731        | (1.194.033.719)                                      | 1.855.871.731        |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản từ hợp nhất kinh doanh                                          | 386.198.319                          | 415.314.391          | (29.116.073)                                         | 415.314.391          |
| Chênh lệch khấu hao tài sản                                                                     | 124.939.707                          | 100.461.451          | 24.478.256                                           | 100.461.451          |
|                                                                                                 | <b>1.172.976.038</b>                 | <b>2.371.647.573</b> |                                                      |                      |
| <b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>                                                          |                                      |                      |                                                      |                      |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản từ hợp nhất kinh doanh                                          | -                                    | -                    | -                                                    | (176.437.440)        |
| Các khoản dự phòng đầu tư vào các công ty con                                                   | 207.021.339                          | 349.420.134          | (142.398.795)                                        | (277.780.032)        |
|                                                                                                 | <b>207.021.339</b>                   | <b>349.420.134</b>   |                                                      |                      |
| <b>(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b> |                                      |                      | <b>(1.056.272.740)</b>                               | <b>2.825.865.045</b> |

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan với Công ty và các công ty con trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

| <i>Bên liên quan</i>                        | <i>Mối quan hệ</i>                                                              |
|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Helio Power                 | Công ty mẹ                                                                      |
| Ông Phan Thành Đạt                          | Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")                                             |
| Ông Bùi Tuấn Dương                          | Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc/Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ |
| Ông Nguyễn Thanh Long                       | Thành viên độc lập HĐQT                                                         |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh                    | Tổng Giám đốc                                                                   |
| Ông Trần Minh Đức                           | Trưởng Ban kiểm soát                                                            |
| Bà Nguyễn Thị Phương                        | Thành viên Ban kiểm soát                                                        |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hương                   | Thành viên Ban kiểm soát                                                        |
| Bà Lê Thị Trang                             | Kế toán trưởng                                                                  |
| Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam | Công ty liên kết sở hữu gián tiếp                                               |
| Công ty TNHH VTT Việt Nam                   | Công ty liên kết sở hữu gián tiếp                                               |
| Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam             | Công ty liên kết sở hữu gián tiếp                                               |
| Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn | Công ty liên kết sở hữu gián tiếp                                               |
| Công ty TNHH NVP Việt Nam                   | Công ty liên kết sở hữu gián tiếp                                               |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

| Bên liên quan                                  | Đơn vị tính: VND           |                      |
|------------------------------------------------|----------------------------|----------------------|
|                                                | Năm nay                    | Năm trước            |
| <b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>              |                            |                      |
| Công ty Cổ phần Helio Power                    | -                          | 420.000.000          |
| Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam    | 301.200.000                | 288.000.000          |
| Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam                | 300.375.000                | 288.000.000          |
| Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn    | 300.100.000                | 288.000.000          |
| Công ty TNHH VVT Việt Nam                      | 299.550.000                | 288.000.000          |
| Công ty TNHH NVP Việt Nam                      | 298.450.000                | 288.000.000          |
| Công ty TNHH Alpha Solar 4                     | Không còn là bên liên quan | 218.258.740          |
| Công ty TNHH Alpha Solar 3                     | Không còn là bên liên quan | 217.238.740          |
| Công ty TNHH Alpha Solar 2                     | Không còn là bên liên quan | 217.238.740          |
| Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn      | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| Công ty TNHH Long Văn Việt Nam                 | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| Công ty TNHH Khởi Duy Solar                    | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam           | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam               | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam                 | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến       | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy      | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam            | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam                | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam    | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| Công ty TNHH NDT Việt Nam                      | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam  | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| Công ty TNHH NHY Việt Nam                      | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam  | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam | Không còn là bên liên quan | 144.000.000          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                               | <b>1.499.675.000</b>       | <b>4.816.736.220</b> |
| <b>Mua hàng và sử dụng dịch vụ</b>             |                            |                      |
| Công ty Cổ phần Amber Capital                  | Không còn là bên liên quan | 467.883.870          |
| Công ty TNHH Alpha Solar 4                     | Không còn là bên liên quan | 2.455.800            |
| Công ty TNHH Alpha Solar 3                     | Không còn là bên liên quan | 1.407.312            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                               | <b>-</b>                   | <b>471.746.982</b>   |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty và các công ty con mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và các công ty con (tại ngày 1 tháng 1 năm 2025: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan                                                               | Đơn vị tính: VND   |                    |
|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                                                             | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
| <b>Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6.1) – Cung cấp dịch vụ</b> |                    |                    |
| Công ty TNHH Đầu Tư Năng Lượng NNL Việt Nam                                 | 77.760.000         | 155.520.000        |
| Công ty TNHH VVT Việt Nam                                                   | 77.760.000         | 155.520.000        |
| Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn                                 | 77.760.000         | 155.520.000        |
| Công ty TNHH NVP Việt Nam                                                   | 77.760.000         | 155.520.000        |
| Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam                                             | 25.920.000         | 155.520.000        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                            | <b>336.960.000</b> | <b>777.600.000</b> |

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm như sau:

|                                                                               | Đơn vị tính: VND     |                      |
|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                                                               | Năm nay              | Năm trước            |
| <b>Thù lao của Hội đồng Quản trị</b>                                          | <b>240.000.000</b>   | <b>257.500.000</b>   |
| Bà Nguyễn Thị Lan                                                             | -                    | 35.000.000           |
| Ông Phan Thành Đạt                                                            | 120.000.000          | 102.500.000          |
| Ông Nguyễn Thanh Long                                                         | 60.000.000           | 60.000.000           |
| Ông Bùi Tuấn Dương                                                            | 60.000.000           | 60.000.000           |
| <b>Lương, thưởng và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b> | <b>2.340.878.062</b> | <b>1.740.285.998</b> |
| Ông Phan Thành Đạt                                                            | -                    | 223.789.739          |
| Ông Bùi Tuấn Dương                                                            | 850.641.600          | 615.129.900          |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh                                                      | 909.658.000          | 629.605.667          |
| Bà Lê Thị Trang                                                               | 580.578.462          | 271.760.692          |
| <b>Thù lao của Ban Kiểm soát</b>                                              | <b>132.000.000</b>   | <b>132.000.000</b>   |
| Ông Trần Minh Đức                                                             | 60.000.000           | 60.000.000           |
| Bà Nguyễn Thị Phương                                                          | 36.000.000           | 36.000.000           |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hương                                                     | 36.000.000           | 36.000.000           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                              | <b>2.712.878.062</b> | <b>2.129.785.998</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

|                                                                                                                         | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------|
|                                                                                                                         | <i>Năm nay</i>          | <i>Năm trước<br/>(Trình bày lại)</i> |
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông                                                  | 13.554.717.154          | 21.078.760.980                       |
| Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)                                                                  | -                       | (1.686.300.878)                      |
| <b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>                                           | <b>13.554.717.154</b>   | <b>19.392.460.102</b>                |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu             | 21.000.000              | 21.000.000                           |
| <b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b> | <b>21.000.000</b>       | <b>21.000.000</b>                    |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                                                                                | 645                     | 923                                  |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu                                                                                              | 645                     | 923                                  |

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2025 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

**28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- ▶ Bộ phận sản xuất điện;
- ▶ Bộ phận cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý;
- ▶ Bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê hoạt động và hoạt động nông nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng xác định hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|                                                                | Hoạt động sản xuất điện | Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý | Hoạt động khác | Điều chỉnh      | Đơn vị tính: VND |
|----------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------|----------------|-----------------|------------------|
| <b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>    |                         |                                            |                |                 |                  |
| Doanh thu                                                      | 93.105.388.920          | 14.023.455.280                             | 2.482.383.476  | -               | 109.611.227.676  |
| Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài                             | -                       | 9.684.875.000                              | -              | (9.684.875.000) | -                |
| Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận                          | 93.105.388.920          | 23.708.330.280                             | 2.482.383.476  | (9.684.875.000) | 109.611.227.676  |
| Tổng doanh thu                                                 |                         |                                            |                |                 |                  |
| Kết quả                                                        | 35.718.212.567          | 5.154.915.549                              | (210.246.908)  | -               | 40.662.881.208   |
| Lợi nhuận thuần trước thuế                                     |                         |                                            |                |                 | (24.287.629.816) |
| Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)                           |                         |                                            |                |                 | 16.375.251.392   |
| Lợi nhuận thuần trước thuế                                     |                         |                                            |                |                 | (1.764.261.498)  |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp                             |                         |                                            |                |                 | (1.056.272.740)  |
| Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại                                |                         |                                            |                |                 | 13.554.717.154   |
| Lợi nhuận thuần sau thuế                                       |                         |                                            |                |                 |                  |
| Các thông tin bộ phận khác                                     |                         |                                            |                |                 |                  |
| Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 44.021.048.357          | -                                          | 2.394.915.712  | -               | 46.415.964.069   |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>                           |                         |                                            |                |                 |                  |
| Tài sản và công nợ                                             |                         |                                            |                |                 |                  |
| Tài sản bộ phận                                                | 355.515.081.362         | 2.978.743.421                              | 3.712.672.922  | -               | 362.206.497.705  |
| Tài sản không phân bổ (ii)                                     |                         |                                            |                |                 | 85.371.638.519   |
| Tổng tài sản                                                   |                         |                                            |                |                 | 447.578.136.224  |
| Công nợ bộ phận                                                | 578.501.315             | 2.021.882.748                              | 234.097.933    | -               | 2.834.481.996    |
| Công nợ không phân bổ (iii)                                    |                         |                                            |                |                 | 178.900.196.005  |
| Tổng công nợ                                                   |                         |                                            |                |                 | 181.734.678.001  |



# Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp theo):

|                                                                                    | Hoạt động sản xuất<br>điện | Hoạt động cung<br>cấp dịch vụ tư vấn,<br>quản lý | Hoạt động khác | Điều chỉnh      | Đơn vị tính: VND |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------|----------------|-----------------|------------------|
| <b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>                        |                            |                                                  |                |                 |                  |
| Doanh thu                                                                          |                            |                                                  |                |                 |                  |
| Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài                                                 | 100.487.685.023            | 14.111.420.120                                   | 4.700.203.384  | -               | 119.299.308.527  |
| Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận                                              | -                          | 9.652.625.600                                    | -              | (9.652.625.600) | -                |
| Tổng doanh thu                                                                     | 100.487.685.023            | 23.764.045.720                                   | 4.700.203.384  | (9.652.625.600) | 119.299.308.527  |
| Kết quả                                                                            |                            |                                                  |                |                 |                  |
| Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế và thu<br>nhập/(chi phí) không phân bổ của bộ phận | 46.949.013.154             | 5.525.897.047                                    | (412.706.080)  | -               | 52.062.204.121   |
| Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)                                               |                            |                                                  |                |                 | (24.674.508.741) |
| Lợi nhuận thuần trước thuế                                                         |                            |                                                  |                |                 | 27.387.695.380   |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp                                                 |                            |                                                  |                |                 | (9.134.799.445)  |
| Chi phí thuế thu nhập hoãn lại                                                     |                            |                                                  |                |                 | 2.825.865.045    |
| Lợi nhuận thuần sau thuế                                                           |                            |                                                  |                |                 | 21.078.760.980   |
| Các thông tin bộ phận khác                                                         |                            |                                                  |                |                 |                  |
| Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi<br>phí trả trước dài hạn                  | 40.724.278.923             | -                                                | 4.520.232.700  | -               | 45.244.511.623   |

### Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025

|                             |                 |               |                |   |                 |
|-----------------------------|-----------------|---------------|----------------|---|-----------------|
| Tài sản và công nợ          |                 |               |                |   |                 |
| Tài sản bộ phận             | 392.972.174.841 | 8.324.108.000 | 54.228.557.531 | - | 455.524.840.372 |
| Tài sản không phân bổ (ii)  |                 |               |                |   | 49.957.667.445  |
| Tổng tài sản                |                 |               |                |   | 505.482.507.817 |
| Công nợ bộ phận             | 1.224.742.486   | 1.985.716.691 | 73.250.000     | - | 3.283.709.177   |
| Công nợ không phân bổ (iii) |                 |               |                |   | 248.307.467.586 |
| Tổng công nợ                |                 |               |                |   | 251.591.176.763 |

- (i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và thu nhập khác và chi phí khác.
- (ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản trả trước và phải thu khác.
- (iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, quỹ khen thưởng phúc lợi và thuế TNDN hoãn lại phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết về thuê hoạt động***

Công ty và các công ty con thuê văn phòng, thuê đất, thuê mái nhà và thuê các thiết bị theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty và các công ty con theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

|                  | <i>Đơn vị tính: VND</i>      |                              |
|------------------|------------------------------|------------------------------|
|                  | <i>Số cuối năm</i>           | <i>Số đầu năm</i>            |
| Đến 1 năm        | 5.761.960.562                | 18.588.789.861               |
| Từ 1 – 5 năm     | 26.895.607.555               | 22.345.046.646               |
| Trên 5 năm       | 24.918.813.419               | 31.863.155.293               |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b><u>57.576.381.536</u></b> | <b><u>72.796.991.800</u></b> |

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty và các công ty con hiện đang cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

|                  | <i>Đơn vị tính: VND</i>     |                              |
|------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                  | <i>Số cuối năm</i>          | <i>Số đầu năm</i>            |
| Đến 1 năm        | 4.290.999.990               | 5.042.999.990                |
| Từ 1 - 5 năm     | 2.644.250.000               | 5.040.500.000                |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b><u>6.935.249.990</u></b> | <b><u>10.083.499.990</u></b> |

***Cam kết liên quan đến việc mua cổ phần***

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt chủ trương nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành với tỷ lệ chuyển nhượng cổ phần dự kiến tối đa là 60%. Nguồn sử dụng để nhận chuyển nhượng cổ phần là nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và/hoặc nguồn khác. Công ty cam kết sử dụng toàn bộ tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần SD Trường Thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo Nghị quyết số 04/2026/HIO/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Helio Energy với tổng số 21.000.000 cổ phiếu chào bán, giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 16 tháng 3 năm 2026, Công ty đã nhận được Công văn số 2044/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty, theo đó, Công ty đã thực hiện phân phối 21.000.000 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số lượng cổ phiếu chào bán.

Theo Nghị quyết số 05/2026/HIO/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành. Công ty đã hoàn thành giao dịch nhận chuyển nhượng vào ngày 16 tháng 3 năm 2026 với tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Cổ phần SD Trường Thành là 59,32% vốn điều lệ.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 18 tháng 3 năm 2026



Đỗ Thị Trang  
Người lập biểu



Lê Thị Trang  
Kế toán trưởng



M.S.D.N: 0109204756 - C  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
HELIO  
ENERGY  
HÀ NỘI

Phan Thành Đạt  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN  
HELIO ENERGY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14./2026/CV-HIO

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026.

V/v: Giải trình biến động kết quả  
SXKD BCTC hợp nhất năm 2025

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ký ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ký ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) có mã chứng khoán là HIO xin giải trình với Quý Ủy Ban, Quý Sở về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 như sau:

Đơn vị: đồng

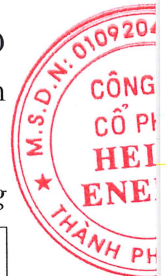
| STT | Chỉ tiêu                                 | Năm 2024       | Năm 2025       | So sánh cùng kỳ |           |
|-----|------------------------------------------|----------------|----------------|-----------------|-----------|
|     |                                          |                |                | Chênh lệch      | Tỷ lệ (%) |
| 1   | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 21.078.760.980 | 13.554.717.154 | (7.524.043.826) | (35,69)%  |

Trong năm 2025, Công ty ghi nhận Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp lãi 13.554.717.154 đồng, giảm 7.524.043.826 đồng tương ứng giảm 35,69% so với năm 2024, do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 9.688.080.851 đồng so với năm 2024, trong đó phần lớn là do sự sụt giảm của doanh thu bán điện.

- Chi phí tài chính giảm 7.065.389.180 đồng chủ yếu do việc thanh toán một phần nợ gốc vay hàng kỳ giúp cho chi phí lãi vay của Công ty giảm so với năm trước.

- Thu nhập khác giảm 5.408.129.111 đồng so với năm 2024, nguyên nhân chênh lệch chủ yếu do trong năm 2024 Công ty đã ghi nhận một khoản thu nhập khác đến từ việc một số công ty con của Công ty thực hiện thanh lý, nhượng bán một số tài sản.



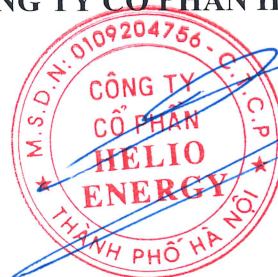
Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban và Quý Sở được biết về tình hình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Phan Thành Đạt*

